

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày 05-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Giàng Mí Phìn;

Ông Văn Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2021, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 11/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HS ngày 16/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn H1, sinh ngày 20/4/1987, tại xã S, huyện M, tỉnh H1; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Xường; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ là ông Ma Văn D1 (*đã chết*); mẹ đẻ là bà Triệu Thị N1 (*đã chết*); bố nuôi là ông Hồ A S1, sinh năm 1968; mẹ nuôi là bà Tô Thị S2, sinh năm 1971; vợ là Hồ Thị N2, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Nùng A T1, sinh ngày 16/6/1985, tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Giáy; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 07/QĐ - UBKTHU huyện Đ; bố là ông Nùng A L1, sinh năm 1960; mẹ là bà Hoàng Thị D2, sinh năm 1960; vợ là chị Trần Thị S3, sinh năm 1980; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1*: Bà Nguyễn Thị Thanh H2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng*: Các anh chị Lò Huy H3, chị Phạm Thị Khánh L2, Nguyễn Thị Phương H4, Hoàng Thị P1, La Thị S4, Lý Chín T2, Phan Trịnh D3, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 04/8/2020, Hồ Văn H1 nhận được điện thoại từ số 0981376233 và số 0862965280 của một người đàn ông tự xưng tên là Vả T3 (*không biết địa chỉ*) nói là có 05 người đang đi sang Trung Quốc làm thuê, nhờ H1 đón 05 người này từ thị trấn Đồng Văn đưa xuống khu vực thôn B, thị trấn Đ, sau đó đưa sang bên kia sông N thuộc địa phận huyện Đ thôn K, xã T, huyện M, Vả T3 sẽ đón số người trên để đưa sang Trung Quốc, nếu đưa sang Trung Quốc trót lọt, Vả T3 sẽ trả cho H1 200.000đ/1 người. H1 đồng ý, sau đó H1 đến gặp Nùng A T1 tại chợ thị trấn Đồng Văn (*T1 đang bán gà ở chợ*), bảo T1 đưa 05 người này đi, khi nào đến bờ sông

Nho Quế thì gọi điện thông báo cho H1 đến đón rồi cùng nhau đưa qua sông, tiền công chia đôi 100.000đ/1 người. T1 đồng ý bảo H1 gửi số điện thoại của những người đi Trung Quốc để T1 chủ động liên hệ đón. H1 gọi điện cho người tên Vả T3 có số điện thoại 0862965280 đề nghị cung cấp số điện thoại của người lao động, rồi gửi lại cho T1, đến khoảng 19 giờ 30 ngày 04/8/2020, T1 gọi điện tập hợp được tổng số 08 người gồm:

1. Anh Lò Huy H3, sinh năm 1993, trú tại xã C, huyện T, tỉnh Đ: Do có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê nên khoảng cuối tháng 7/2020, H3 gọi điện cho một người bạn tên Lò Thị L3, sinh năm 1993, có số điện thoại 008613235045085 đang làm ăn ở Trung Quốc, H3 hỏi L3 cách thức để đi sang Trung Quốc làm thuê, thì được L3 hướng dẫn đi từ nhà đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1 thuê phòng nghỉ rồi cứ ở đó sẽ có người đến đón. Theo hướng dẫn của L3, H3 tìm đến nhà nghỉ, tại đây H3 gặp Nguyễn Thị Phương H4 và Phạm Thị Khánh L2. Đến khoảng 19 giờ, ngày 04/8/2020 Nùng A T1 sử dụng số điện thoại 0563070880 liên hệ với H4, hẹn xuống tập trung ở cổng chợ thị trấn Đồng Văn để đi Trung Quốc.

2. Chị Phạm Thị Khánh L2, sinh năm 1992 trú tại phường T, Quận 7, Thành phố H3: Thời gian khoảng cuối tháng 7/2020, L2 làm thuê cho Công ty S tại tỉnh B1 có quen với 01 người tên T4, khoảng trên 20 tuổi, L2 chỉ biết nhà T4 ở tỉnh B2, khi nói chuyện với nhau, T4 hỏi L2 có muốn sang Trung Quốc làm thuê không, tiền công nhận được khoảng 10.000.000đ/1 tháng, L2 đồng ý, T4

hướng dẫn bắt xe khách đi lên thị trấn Đ, huyện Đ, chi phí đi lại, ăn uống L2 tự lo, còn chi phí sang Trung Quốc là 3.000NDT, khi nào có việc làm, nhận được tiền công lao động thì mới phải trả số tiền này, khoảng 10 ngày sau L2 gửi cho T4 số điện thoại qua ứng dụng Zalo để T4 liên hệ cho L2 đi sang Trung Quốc, sau đó có nhiều số điện thoại lạ gọi đến, hướng dẫn L2 bắt xe khách đi từ B1 đến H2 rồi đi lên thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1. Đến nơi, có người gọi điện hướng dẫn L2 vào nhà nghỉ chờ, khi vào nhà nghỉ L2 gặp Nguyễn Thị Phương H4, Lò Huy H3, khoảng 19 giờ ngày 04/8/2020 T1 sử dụng số điện thoại 0563070880 gọi cho H4 hẹn gặp ở cổng chợ thị trấn Đồng Văn tập trung để đi Trung Quốc làm thuê.

3. Nguyễn Thị Phương H4, sinh năm 1991 trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh H1: Thời gian khoảng tháng 01/2019 H4 đi Trung Quốc làm thuê đến tháng 11/2019 thì quay về, đầu năm 2020 do có nhu cầu tiếp tục đi Trung Quốc làm thuê nhưng các đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc đang thắt chặt quản lý nên không đi được, H4 đã gọi điện vào số 15260023088 cho 01 người lái xe taxi ở Trung Quốc, hỏi và nhờ người này hướng dẫn cách thức đi sang Trung Quốc làm thuê, người này đồng ý, sau đó có người đàn ông sử dụng số điện thoại 0862965280 gọi điện hướng dẫn cho H4 đi lên thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1 thuê phòng nghỉ, rồi H4 gặp Lò Huy H3 và Phạm Thị Khánh L2, đến khoảng 19 giờ ngày 04/8/2020 T1 sử dụng số điện thoại 0563070880, gọi điện cho H4 thông báo đến tập trung ở cổng chợ thị trấn Đ, huyện Đ để đi Trung Quốc. Khi nói chuyện với người Trung Quốc có số điện thoại 15260023088, người này nói chi phí đi sang Trung Quốc khi nào nhận được tiền công lao động thì mới phải thanh toán, không nói cụ thể là bao nhiêu.

4. Hoàng Thị P1, sinh năm 2002 trú tại xã M, huyện T, tỉnh L1: Giữa tháng 7/2020 P1 gặp 01 người tên L4, nhà ở Xã M, huyện T, tỉnh L1, biết L4 thường đi Trung Quốc làm thuê nên P1 hỏi L4 chỉ dẫn thì được L4 nói chi phí hết khoảng 1.900NDT đến 2.000NDT, nhưng khi nào nhận được tiền công lao động thì chủ người Trung Quốc mới trừ sau, rồi L4 cho P1 số điện thoại 0352796320 của một người để liên lạc, hỏi cách thức đi sang Trung Quốc làm thuê, sau khi có số điện thoại P1 liên lạc hỏi thì được hướng dẫn đi lên thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1 sẽ có người đến đón, đưa sang Trung Quốc, còn tiền công đưa đón, khi nào P1 sang Trung Quốc trót lọt thì người này mới nhận. Ngày 03/8/2020, P1 đi xe khách từ nhà đến H2 lên thị trấn Đ, huyện Đ, trên đường đi P1 được một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0862965280 thường xuyên gọi điện hỏi đi đến đâu, đến 18 giờ cùng ngày P1 đến thị trấn Đồng Văn và được người sử dụng số điện thoại 0862965280 dặn cứ ăn cơm, uống nước chờ sẽ có người gọi điện đón, đến khoảng 19 giờ T1 sử dụng số điện thoại 0563070880, gọi điện cho P1 báo đến cổng chợ thị trấn Đồng Văn để tập trung xuất phát.

5. La Thị S4, sinh năm 1981, trú tại xã T, thành phố L2, tỉnh L2: Tháng 5/2020, S4 đi Trung Quốc về và được cách ly tại cửa khẩu M, tỉnh Q, thời gian ở khu cách ly, S4 quen với một người phụ nữ tên T6, *(không biết họ, địa chỉ)*, sau khi quay về, đến tháng 8/2020 S4 có nói chuyện với T6 qua điện thoại, T6 hỏi có cần liên hệ đi sang Trung Quốc không để T6 gửi nick Wechat cho, S4 đồng ý và

được T6 gửi cho nick Wechat của một người đàn ông Việt Nam, người này nói có thể đưa S4 đi sang Trung Quốc được, chi phí hết khoảng 2.600NDT, sau đó người này hướng dẫn cho S4 bắt xe khách sang thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H1, sẽ có người đến đón, khi lên đến thị trấn Đồng Văn thì T1, gọi điện, hẹn đến tập trung ở công chợ thị trấn Đồng Văn để đi Trung Quốc.

6. Lý Chấn T2, sinh năm 1984 trú tại xã N, huyện Y, tỉnh H1: Tháng 3 đến tháng 11/2019, T2 đi Trung Quốc làm thuê và quen với 01 người đàn ông người Trung Quốc tên “Lao P2”, có số điện thoại 1802793066. Đến tháng 02/2020, do có nhu cầu tiếp tục đi Trung Quốc làm thuê, nhưng đường biên giới bị kiểm soát chặt chẽ không đi được nên T2 đã gọi điện cho “Lao P2”, hỏi có cách nào đi sang Trung Quốc không thì người này cho biết là phải mất chi phí 500 (*không nhớ là 500.000 VNĐ hay 500NDT*), T2 đồng ý đi và được người Trung Quốc gửi cho số điện thoại 0862965280 để liên lạc với người này hướng dẫn đi. Sau khi có số điện thoại, T2 gọi điện thì được người này nói là ngày 04/8/2020 cứ lên thị trấn Đ, huyện Đ, sẽ có người đưa đi, ngoài ra có Phan Trịnh D3, Lý Seo G biết T2 đi Trung Quốc làm thuê nên cũng xin đi cùng. Chiều ngày 04/8/2020, T2, D3, G, bắt xe khách đi lên thị trấn Đ, huyện Đ, ăn tối xong thì Nùng A T1 sử dụng số điện thoại 0563070880 gọi điện thông báo đến công chợ thị trấn Đồng Văn tập trung để đi Trung Quốc.

7. Phan Trịnh D3, sinh năm 1989 trú tại xã N, huyện Y, tỉnh H1 (ngày 04/8/2020, trên đường đi cắt cỏ về cho gia đình có gặp Lý Chấn T2, biết T2 đang trên đường đi Trung Quốc làm thuê nên đã xin T2 cho đi cùng).

8. Lý Seo G (*không rõ năm sinh*) trú tại xã N, huyện Y, tỉnh H1.

Sau khi tập hợp được 08 người trên tại chợ thị trấn Đ, huyện Đ, T1 yêu cầu 08 người này bỏ lại những đồ nặng, không cần thiết vì đi bộ rất xa, khi đi phải cách nhau mỗi người khoảng 02 mét, giả vờ như đi chơi để tránh bị lực lượng chức năng phát hiện. Đến khoảng 20 giờ 00, ngày 04/8/2020 khi T1 dẫn 08 người trên đi đến đoạn gần đến Bệnh viện đa khoa huyện Đ, thì bị Công an thị trấn Đồng Văn tuần tra phát hiện, đưa Lò Huy H3, Phạm Thị Khánh L2, Hoàng Thị P1 về làm việc. Còn Nùng A T1 chạy quay lại thông báo với số người còn lại là đã bị Công an phát hiện, số người này chạy trốn mỗi người một nơi. Đến khoảng 02 giờ, ngày 05/8/2020, khi không thấy lực lượng chức năng truy tìm, T1 tiếp tục liên lạc với số người lao động còn lại tập trung ở khu vực qua Bệnh viện đa khoa huyện Đ để đi tiếp, thì bị Công an huyện Đ phát hiện và đưa về trụ sở làm việc, riêng Lý Seo G bỏ trốn, hiện không có mặt ở địa phương.

Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 10/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1 về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1 khai nhận: Ngày 04/8/2020, bị cáo H1 nhận lời từ một người đàn ông không quen biết (*có số điện thoại 0862965280*) nhờ đón và đưa 05 người có nhu cầu đi Trung Quốc lao động trái phép (*không làm thủ tục xuất nhập cảnh*), từ thị trấn Đồng Văn xuống thôn

B, thị trấn Đ đưa sang bên kia sông N thuộc địa phận huyện Đ thôn K, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang để được nhận tiền công 200.000đ/người. Sau đó, bị cáo H1 gặp bị cáo T1, bảo T1 đưa 05 người này đi, khi đến sông N thì gọi điện cho H1 để H1 đến đón rồi cùng nhau đưa qua sông, tiền công chia đôi, mỗi người 100.000đ/người. H1 xin được số điện thoại của người lao động, sau đó gửi cho T1 để T1 chủ động liên hệ đón. Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, T1 gọi điện tập trung được 08 người ở cổng chợ thị trấn Đồng Văn để đưa đi gồm: Lò Huy H3, Phạm Thị Khánh L2, Nguyễn Thị Phương H4, Hoàng Thị P1, La Thị S4, Lý Chín T2, Phan Trịnh D3 và Lý Seo G. Sau đó, T1 dẫn số người trên đi đến gần Bệnh viện đa khoa huyện Đ thì bị lực lượng chức năng phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1 về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Văn H1. Xử phạt bị cáo Hồ Văn H1 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 06/10/2020;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nùng A T1. Xử phạt bị cáo Nùng A T1 từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 06/10/2020.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Nùng A T1; 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, Galaxy J7Pro, Imel: 356446108/45332913; Imel: 356447/08/453329/1, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Hồ Văn H1.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1, do các bị cáo thuộc đối tượng được miễn án phí.

Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Hà Giang bào chữa cho các bị cáo trình bày: Nhất trí với Cáo trạng, bản luận

tội và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật áp dụng, việc miễn án phí và xử lý vật chứng đối với các bị cáo Hò Văn H1, Nùng A T1. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do không có nghề nghiệp ổn định nên dẫn tới phạm tội, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Trợ giúp viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hò Văn H1, Nùng A T1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”; về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hò Văn H1, xử phạt bị cáo Hò Văn H1 từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nùng A T1, xử phạt bị cáo Nùng A T1 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo nhất trí lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không tham gia tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Hò Văn H1 nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo Nùng A T1 thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, tuy nhiên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án của bị cáo Hò Văn H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Vì tình hình dịch bệnh Covid-19 đang có nhiều diễn biến phức tạp trên khắp các tỉnh, thành phố của cả nước, những người làm chứng vắng mặt đều đã có lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của người làm chứng ổn định không mâu thuẫn với lời khai của họ và lời khai của các bị cáo nên việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Hò Văn H1, Nùng A T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của

mình như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện tội phạm. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 04/8/2020, Hồ Văn H1 và Nùng A T1 có hành vi tổ chức cho người lao động Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê để thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội *“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”* được quy định tại Điều 349 của Bộ luật hình sự, trong đó số người lao động được Nùng A T1 trực tiếp đón với mục đích đưa qua biên giới là 08 người nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 (năm) năm đến 10 (mười) năm tù.

[4] Đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1 là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài khi không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, biết việc xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới hợp pháp, song vì mục đích thu lợi bất chính, các bị cáo đã tổ chức cho 08 công dân người Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê là trái quy định. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm hại trực tiếp đến hoạt động quản lý Nhà nước về xuất nhập cảnh, quyền tự do cư trú của công dân, phần nào ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc, nhất là thời điểm bệnh dịch Covid-19 đang bùng phát trên hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có cả 02 nước Việt Nam và Trung Quốc, do đó cần phải xử lý các bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo, đồng thời có ý nghĩa phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Nùng A T1 đang dẫn người lao động đến khu vực Bệnh viện đa khoa huyện Đ đã bị lực lượng chức năng phát hiện để xử lý, vị trí, địa điểm phạm tội vẫn nằm trong phạm vi lãnh thổ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chưa vượt sang lãnh thổ nước bạn Trung Quốc nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp *“Phạm tội chưa đạt”*, theo đó mức hình phạt khi xử lý các bị cáo không vượt quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định theo khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá vai trò phạm tội của từng bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo nhất thời phạm tội nên không có phân công vai trò và sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo Hồ Văn H1 là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nùng A T1 tham gia phạm tội, sau khi tiếp nhận thông tin và nhận lời từ một người không quen biết tự xưng là Vả T3. Tuy rằng ban đầu bị cáo chỉ trao đổi với T1 việc tổ chức cho khoảng 05 người lao động Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê nên đã cung cấp 03 số điện thoại của người lao động cho Nùng A T1, nhưng khi T1 liên lạc để đón thì số người lao động tăng lên 08

người thuộc nhóm những người lao động H1 đã cho T1 số điện thoại để liên hệ, sau đó H1 cùng nhất trí với T1 về số lượng người lao động đưa sang Trung Quốc nên H1 cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số lượng 08 người được T1 đón để cùng H1 đưa sang Trung Quốc. Như vậy, Hồ Văn H1 là người giữ vai trò chính trong vụ án nên H1 phải chịu mức hình phạt cao hơn, nghiêm khắc hơn mức hình phạt của Nùng A T1 mới thỏa đáng.

[6]. Đối với bị cáo Nùng A T1, sau khi được Hồ Văn H1 rủ rê, bị cáo đã trực tiếp gọi điện thoại cho 03 nhóm người lao động, sau đó hẹn họ tại một địa điểm và dẫn họ theo đường bộ đến bờ Sông N gặp H1 nhưng đang trên đường đi đã bị phát hiện và bắt giữ nên vai trò của bị cáo là người thực hành tội phạm, do đó lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa, đề nghị được xử phạt mức án thấp hơn mức án của bị cáo Hồ Văn H1 là có căn cứ, đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả 02 bị cáo. Riêng bị cáo Nùng A T1 sau khi bị bắt giữ đã khai báo về hành vi phạm tội của đồng phạm là Hồ Văn H1, thuộc trường hợp người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên bị cáo T1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Đối với đối tượng Sùng Mí V, sinh năm 2001 trú tại xã T, huyện M, tỉnh H1, đứng tên của thuê bao 0862965280, quá trình điều tra Sùng Mí V không thừa nhận sử dụng số điện thoại 0862965280 để liên lạc cho việc đón, đưa người, V cho rằng có người đã sử dụng Chứng minh nhân dân của V để đăng ký thông tin cho thuê bao số 0862965280. Năm 2020 Sùng Mí V đăng ký sử dụng số thuê bao 0368158500 hiện nay V đang sử dụng, sau đó V bỏ đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nên Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[11] Đối với Vừ Mí T5, sinh năm 1997 trú tại xã T, huyện M, tỉnh H1 đứng tên thuê bao 0981376233, kết quả thu giữ lịch sử giao dịch của số thuê bao 0981376233 thể hiện có liên lạc với số thuê bao của Hồ Văn H1 nhưng vào các ngày 27, 28/7/2020. Tuy nhiên, hiện nay Vừ Mí T5 không có mặt ở địa phương để làm rõ các nội dung liên quan, do vậy Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[12] Đối với các đối tượng: Lò Thị L3, sinh năm 1993; T4 (*người Trung Quốc có số điện thoại 15260023088*); L4 trú tại Xã M, huyện T, tỉnh L1; T6 (*số điện thoại 0352796320*) và Lao P2 (*người Trung Quốc*) là những người đã giới thiệu, hướng dẫn cho người lao động Việt Nam tìm đường vượt biên đi sang Trung Quốc làm thuê. Quá trình làm việc, 08 công dân này không cung cấp đầy đủ thông tin của những người nêu trên, nên Cơ quan An ninh điều tra không đủ căn cứ xác minh, thu thập thông tin về nhân thân, lai lịch, chứng minh vai trò của họ để xử lý trong vụ án này.

[12] Về vật chứng: Các bị cáo Hồ Văn H1 và Nùng A T1 đã sử dụng điện thoại cá nhân để giao dịch trong khi phạm tội nên về nguyên tắc chung phải bị tịch thu, tuy nhiên cả 02 chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đều là loại điện thoại cảm ứng, giá trị sử dụng không lớn và khi không sử dụng thường xuyên sẽ tự bị hư hỏng nên cần áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để tịch thu, tiêu hủy, vật chứng gồm: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Nùng A T1; 01 (*một*) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, Galaxy J7Pro, máy cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Hồ Văn H1.

[13] Về án phí: Tại phiên tòa Trợ giúp viên giao nộp cho Hội đồng xét xử Đơn xin miễn án phí của các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1. Xét thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn H1, Nùng A T1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Văn H1, xử phạt bị cáo Hồ Văn H1 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (*ngày 06/10/2020*).

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nùng A T1, xử phạt bị cáo Nùng A T1 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (*ngày 06/10/2020*).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy những vật chứng sau:

- 01 (*một*) phong bì niêm phong, bên ngoài có ghi chữ Nùng A T1, có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu niêm phong của Cơ

quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang (bên trong gói niêm phong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong điện thoại);

- 01 (một) phong bì niêm phong, bên ngoài có ghi chữ Hò Văn H1, có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu niêm phong của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang (bên trong gói niêm phong là 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, Galaxy J7Pro, Imel: 356446108/45332913; Imel: 356447/08/453329/1, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong điện thoại).

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hò Văn H1, Nùng A T1.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PA 09, PC 02, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vương Thị Thu Hà